

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 189/2021/HS-ST

Ngày: 28-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2021/QĐXXST-HS ngày 12/5/2021 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn K, sinh năm 1990 tại tỉnh N. Nơi cư trú: Xóm 10, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ điện; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Hoàng Thị N và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/12/2010, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 15/7/2020 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1982 tại tỉnh N. Nơi cư trú: Xóm 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị C; có vợ là Lê Thị T và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/3/2009, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An xử phạt 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 27/7/2010, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 15/7/2020 cho đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Quang H, sinh năm 1982 tại tỉnh N. Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị U; có vợ là Trần Thị T và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/8/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 29/4/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 10/01/2014, bị Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

2. Anh Bùi Quang T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

3. Anh Trần Văn M, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Anh Võ Tuấn A, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Anh Ngô Hiệp H, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Số 5/28B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Anh Dương Trung N, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn 5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Anh Hồ Văn D, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn 6, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Xóm 2, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn U, sinh năm 1969. Nơi cư trú: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995. Nơi cư trú: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Anh Bùi Mạnh C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: khu phố 5, phường T, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 2002. Nơi cư trú: xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1993. Nơi cư trú: xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

7. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

8. Ông Nguyễn Như H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

9. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1997. Nơi cư trú: xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Ngọc G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Hoàng Văn K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Quang H đã cùng nhau đi trộm tài sản; trong khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến ngày 14/7/2020, K, L và H đã thực hiện trộm cắp tài sản ở nhiều nơi, cụ thể như sau:

Tại huyện B, tỉnh Bình Dương:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 22/6/2020, K lái xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 51C-109.34 chở Nguyễn Văn L đi từ thành phố D đến huyện B tìm trâu để trộm. Khi đi đến Khu Công nghiệp B (thuộc thị trấn L, huyện B), cả hai thấy đàn trâu của anh Nguyễn Tấn T đang ăn cỏ không có người trông giữ, K nói với L để đem quay lại trộm; rạng sáng ngày 23/6/2020, Khoa lái xe ô tô tải biển số 51C-109.34 chở L quay lại nơi đàn trâu của anh T; L xuống dẫn 01 con trâu cái, màu đen nặng 500kg và 01 con trâu cái, màu đen nặng 400kg lên xe ô tô tải cho K chở về nhà K (khu phố T, phường T, thành phố D); tại đây, K giao xe ô tô cho L chở 02 con trâu trộm được đến khu phố T, phường T, thị xã T bán cho lò mổ của anh Nguyễn Anh T được số tiền 48.000.000 đồng. Tiền bán trâu, K chia cho L 18.000.000 đồng, còn K giữ 30.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 27/6/2020, K lái xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 51C-109.34 chở L đi từ thành phố D đến Khu Công nghiệp B, nơi đàn trâu của anh Nguyễn Tấn T đang ăn cỏ; tại đây, L xuống xe dẫn 01 con trâu cái, màu đen, nặng 450kg đưa lên xe ô tô tải cho K chở về nhà K; sau đó, K giao xe cho L chở trâu trộm được đến khu phố T, phường T, thị xã T bán cho lò mổ của anh Nguyễn Anh T được số tiền là 20.700.000 đồng. Tiền bán trâu, K chia cho L 8.700.000 đồng, K giữ 12.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KLTS-TTHS ngày 12/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 con trâu cái, màu đen nặng 500kg trị giá

35.000.000 đồng; 01 con trâu cái, màu đen nặng 400kg trị giá 28.000.000 đồng; 01 con trâu cái, màu đen, nặng 450kg trị giá 31.500.000 đồng; tổng giá trị 03 con trâu là 94.500.000 đồng.

Tại thành phố D, tỉnh Bình Dương:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 01/7/2020, K lái xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 51C-109.34 chở L, còn người tên Đ (bạn K chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi xe mô tô hiệu Yamaha Exceiter, màu đỏ - đen, biển số 37D1-796.79; cả ba đi từ nhà K đến khu đất trống (thuộc tổ 35, khu phố C, phường T, thành phố D), cả ba thấy đàn bò của anh Bùi Quang T đang nhốt trong chuồng; K thấy gần nơi nhốt bò có ông Nguyễn Ngọc G (lái xe ôm) đang nằm võng chờ khách; sợ bị phát hiện nên K, L và Đ bàn nhau để K giả làm khách thuê ông G chở đến khu vực cầu T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để đánh lạc hướng, còn L và Đ ở lại để trộm bò. Sau khi ông G chở K đi, L và Đ dùng kim cắt lưới dẫn 02 con bò đực, lông vàng, cao khoảng 1,2m, nặng 150kg/01 con và 01 con bò cái lông vàng, cao khoảng 1,2m, nặng 100kg lên xe ô tô; Đ điều khiển xe mô tô biển số 37D1-796.79 đi về, còn L điều khiển xe ô tô tải chở 03 con bò đến trước Cửa hàng xăng dầu V (thuộc phường B, thành phố T) chờ K. Sau đó, L và K chở 03 con bò vừa trộm được đi lên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để bán; khi đi đến phường Đ, thành phố T thì xe bị hư, nên K nói L gọi điện thuê xe ô tô tải của ông Phạm Văn U chở đi bán, còn K gọi điện cho Đ đi cùng xe với ông U; khi ông U lái xe ô tô tải biển số 61C-155.71 chở Đ đến thì K, L và Đ cùng đưa 03 con bò lên xe ông U. Sau đó, K sửa xe rồi đi về nhà, còn ông U lái xe ô tô chở L, Đ và 03 con bò đến chợ D (thành phố B) bán cho một lái buôn (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) được số tiền 59.000.000 đồng. Tiền bán bò, L trả tiền thuê xe cho ông U 7.000.000 đồng, K chia cho Đ và L mỗi người 8.600.000 đồng, còn K giữ 34.800.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 128/KLĐG-HĐĐGTS ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố D kết luận: 02 con bò đực nặng 150kg/01 con trị giá 45.000.000 đồng (22.500.000 đồng/01 con); 01 con bò cái nặng 100kg trị giá 15.000.000 đồng; tổng trị giá 03 con bò là 60.000.000 đồng.

Tại thành phố T, tỉnh Bình Dương:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 12/7/2020, K lái xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 51C-109.34 chở L và H đi từ thành phố D đến thành phố T tìm tài sản trộm. Khi cả ba đi đến khu đất trống thuộc phường H, thành phố T, K thấy đàn trâu của anh Trần Văn M đang ăn cỏ không có người trông giữ; K dừng xe ngồi cạnh giới, còn L và H đi lại dẫn 01 con trâu đực màu đen, nặng 420kg lên thùng xe ô tô cho K chở về nhà; sau đó, K giao xe ô tô tải cho L chở trâu đến khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương bán cho lò mổ của anh Nguyễn Anh T được số tiền 25.500.000 đồng. Tiền bán trâu, L lấy 5.000.000 đồng còn lại 20.500.000 đồng L đưa cho K; K chia cho L và H mỗi người 3.200.000 đồng, còn K giữ 14.100.000 đồng.

Sau khi bị trộm trâu, anh M đi đến các lò mổ trên địa bàn tỉnh Bình Dương tìm và phát hiện con trâu của mình đang ở lò mổ của anh T, nên anh M đến Đoàn Công an Khu công nghiệp K trình báo; sau đó, con trâu được thu giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 132/KLTS-TTHS ngày 22/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: 01 con trâu đực màu đen, trọng lượng 420kg trị giá 31.920.000 đồng. Ngày 23/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả con trâu cho anh M; anh M không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 13/7/2020, L lái xe mô tô hiệu Vision, màu trắng, biển số 73H1-389.31 chở H đi từ tỉnh Bình Dương đến huyện C tìm tài sản trộm; khi đi đến khu vực Bến đò D (thuộc ấp P, xã P, huyện C), L và H thấy đàn trâu của anh Võ Tuấn A đang nhốt trong chuồng, H gửi định vị vị trí cho K; khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/7/2020, K lái xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 51C-109.34 đến nơi nhốt trâu; H dẫn 01 con trâu trọng lượng 440kg, L dẫn 01 con trâu trọng lượng 500kg ra nơi K đang chờ; do bị tuột dây nên con trâu H dẫn chạy thoát, cả ba cùng đưa con trâu L dẫn lên thùng xe tải, L tiếp tục quay lại bắt con trâu mà H làm tuột dây nhưng không bắt được. K lái xe chở con trâu vừa trộm được về nhà của K, còn L và H điều khiển xe mô tô biển số 73H1-389.31 đi sau. Tại nhà K, K giao xe ô tô cho L chở con trâu trộm được đi bán; khoảng 08 giờ 00 phút ngày 14/7/2020, khi thấy L chở con trâu đến bán, anh T nghi ngờ nên gọi điện thoại báo cho Đoàn Công an Khu công nghiệp K đến bắt giữ L; vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 173/KLTS-TTHS ngày 17/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 con trâu, trọng lượng 440kg trị giá 36.960.000 đồng; tại Kết luận định giá tài sản số 197/KLTS-TTHS ngày 03/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 con trâu đực, trọng lượng 500 kg trị giá 42.500.000 đồng; tổng trị giá 02 con trâu là 79.460.000 đồng. Ngày 15/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả con trâu đực, trọng lượng 500kg cho anh Võ Tuấn A.

Ngoài các vụ trộm trên, Hoàng Văn K cùng Tú Thanh H và Hùng Hà T (cả hai đều chưa xác định được nhân thân, lai lịch) thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ ngày 05/3/2020, Hoàng Văn K điều khiển xe ô tô hiệu Mazda CX5, màu trắng, biển số 51F-503.61 (xe thuê của ông Nguyễn Như H) chở T và H đi từ thành phố D đến địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương tìm tài sản trộm. Khoảng 01 giờ ngày 06/3/2020, cả ba đi đến trước nhà số 5/28B, khu phố B, phường B, thành phố T thì nhìn thấy trong sân có để 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu trắng-đen, biển số 61C1-747.73 của anh Ngô Hiệp H; K dùng xe để T xuống dùng kim cộng lực cắt khóa cổng vào bên trong sân nhà và dùng đoạn chữ T bẻ khóa xe mô tô 61C1-747.73 rồi dẫn ra ngoài. Sau khi lấy được xe, T điều khiển xe mô tô 61C1-747.73, còn K điều khiển xe ô tô hiệu Mazda CX5, màu trắng, biển số 51F-503.61 đi đến Khu Công nghiệp Đồng An 2, phường B, thành phố T bán cho một người nam (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) được 16.000.000 đồng; K, T và H chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng, số tiền 1.000.000 đồng còn lại K giữ để trả tiền thuê xe ô tô.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Winner, màu trắng đen, biển số 61C1-747.73 trị giá 30.000.000 đồng. Anh Ngô Hiệp H yêu cầu Hoàng Văn K bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 06/3/2020, Hoàng Văn K điều khiển xe ô tô Mazda màu trắng, biển số 51F-503.61 chở T và H đi từ thành phố D sang thành phố T tìm tài sản trộm. Khoảng 20 giờ ngày 06/3/2020, khi đi đến nhà nghỉ C, địa chỉ tại khu phố Đ, phường B, thành phố T, K nhìn thấy trong nhà nghỉ có để nhiều xe mô tô nên dừng lại; H xuống xe, cầm theo đoàn chữ T vào bên trong nhà xe, dùng đoàn mở khóa xe nhưng không được nên đi ra chỗ K. Thấy vậy, K cầm theo đoàn chữ T xuống xe đi vào nhà nghỉ C dùng đoàn lần lượt bẻ khóa xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển số 47M1-728.95 của anh Dương Trung N và xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 37L2-258.05 của anh Hồ Văn D. Tuy nhiên, khi bẻ khóa thì đoàn bị gãy nên K không mở được khóa xe mà chỉ làm hư hỏng ổ khóa xe; do không mở được khóa xe nên K, T và H lên xe bỏ đi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển số 47M1-728.95 trị giá 13.000.000 đồng; xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 37L2-258.05 trị giá 14.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã giao trả xe cho anh N và anh D; anh N và anh D không có yêu cầu gì khác.

Vụ thứ ba: Khoảng 22 giờ ngày 07/3/2020, Hoàng Văn K điều khiển xe ô tô Mazda màu trắng, biển số 51F-503.61 chở T và H đi từ thành phố D sang thành phố T tìm tài sản trộm. Khoảng 06 giờ ngày 08/3/2020, khi cả ba đi đến trước cổng Công ty H (thuộc khu phố B, phường B, thành phố T), cả ba phát hiện trước cổng công ty có để xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, biển số 47S1-132.37 của anh Phạm Văn T không có người trông giữ; K dừng xe đối diện cổng công ty, T xuống xe dùng đoàn chữ T bẻ khóa mở máy xe rồi điều khiển xe, còn K điều khiển xe ô tô Mazda màu trắng, biển số 51F-503.61 chở H cùng đi đến khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T bán xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ-đen, biển số 47S1-132.37 cho một người nam (chưa xác nhận được nhân thân, lai lịch) với giá 6.000.000 đồng; K, T và H chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 47S1-132.37 trị giá 12.000.000 đồng. Chị Hoàng Thị N (vợ của K) đã bồi thường cho anh Phạm Văn T số tiền 6.000.000 đồng; anh T không có yêu cầu nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho K.

Về người nam tên Đ, H và T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đang tiếp tục điều tra và xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Anh T là người đã mua trâu của Nguyễn Văn L, quá trình điều tra xác định: Khi L đem trâu đến bán cho lò mổ của anh T, L nói mình là lái buôn mua trâu của người khác đến bán kiếm lời, anh T không biết trâu do L cùng

đồng phạm trộm cắp mà có. Anh T yêu cầu K, L và H trả lại số tiền 25.500.000 đồng anh T đã mua con trâu của anh M.

Về vật chứng đã thu giữ, quá trình điều tra xác định và xử lý như sau:

Xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 51C-109.34 do anh Bùi Mạnh C đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe; ngày 15/6/2020, anh C bán xe (ký hợp đồng ủy quyền công chứng) cho chị Hoàng Thị H (em gái của K); chị H cho K mượn xe để đi chở hàng; việc K sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp chị H không biết. Ngày 07/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả xe ô tô trên cho chị H.

Xe mô tô hiệu Yamaha Exceiter, màu đỏ đen, biển số 37D1-796.79 do chị Nguyễn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe; chị H trình bày xe là tài sản của chị Hoàng Thị N, chị H đứng tên trên giấy đăng ký giúp cho chị N vì chị N mất giấy chứng minh nhân dân, nên nhờ chị H đứng tên hộ; quá trình điều tra xác định: Chị N mua xe trả góp, hàng tháng chị N là người trả tiền cho người bán; việc K đưa xe mô tô trên cho Đ đi trộm cắp tài sản, chị N không biết.

Ổ khóa cổng bằng kim loại, dài 41 cm, có vỏ bọc bằng cao su màu trắng là của anh Ngô Hiệp H; 02 ổ khóa bằng kim loại màu xám, bọc cao su màu đen, dài 11,5cm là khóa xe của anh Dương Trung N và anh Hồ Văn D; do tất cả đã bị hư nên anh H, anh D và anh N không yêu cầu nhận lại.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng, đen không gắn sim số; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Hoàng Văn K; 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn K; quá trình điều tra xác định: Các tài sản và giấy tờ trên là của K, không liên quan đến hành vi phạm tội của K; 01 thẻ ngân hàng MB mang tên Hoàng Thị N là của chị N nhờ K giữ hộ.

Điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh có gắn sim số 0982.816.337 thu giữ của Hoàng Văn K và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có gắn sim số 0977.608.415 thu giữ của Nguyễn Văn L, quá trình điều tra xác định: K và L đã sử dụng điện thoại trên để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội. Đối với 01 dao tự chế bằng kim loại; 01 cây kìm có tay cầm bọc nhựa màu cam xám; 01 bình xịt hơi cay màu xanh; 01 cây tuốc nơ vít có tay cầm màu xanh; 01 mũ kết bằng vải màu đen có ghi số 96; 01 áo thun màu đen ngắn tay có in chữ Puma; 01 quần Jean dài màu xanh; 03 tấm palet bằng gỗ quá trình điều tra xác định: Đây là các công cụ mà K cùng đồng phạm sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tại Bản Cáo trạng số 108/CT-VKS-HS ngày 27/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Hoàng Văn K và Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Quang H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trong tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng Văn K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Quang H về tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173;

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn K từ 09 đến 11 năm tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 08 đến 09 năm tù; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị; các bị hại có mặt không có ý kiến tranh luận; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo K nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

Bị cáo L nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng trong quá trình điều tra; vật chứng của vụ án, biên bản xác định hiện trường và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Hoàng Văn K đã thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 334.880.000 đồng; Nguyễn Văn L đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 265.880.000 đồng; Nguyễn Quang H đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 111.380.000 đồng; việc nhập các vụ án do các bị cáo thực hiện tại thành phố T, thành phố Th, huyện B, thành phố D (thuộc tỉnh Bình Dương) và huyện C, thành phố Hồ Chí Minh của các cơ quan tiến hành tố tụng để điều tra, truy tố và xét xử trong cùng một vụ án nhằm bảo đảm nguyên tắc có lợi cho các bị cáo. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố

Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Hoàng Văn K và Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố Nguyễn Quang H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; tuy nhiên, bị cáo K là người khởi xướng, rủ rê bị cáo L và H phạm tội, nên bị cáo K có vai trò chính trong vụ án.

[4] Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo K và L có nghề nghiệp ổn định, các bị cáo không lấy kết quả của các lần phạm tội làm nguồn sống chính nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” đối với bị cáo K và L.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo K đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại T; bị hại Trinh có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K; bị hại T có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K và L; bị cáo H tích cực tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng; các bị cáo đều có nhân thân xấu; tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét đến hành vi phạm tội chưa đạt đối với bị cáo K (chưa lấy được chiếc xe Honda Wave màu đen bạc, biển số 47M1-728.95 của anh Dương Trung N và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 37L2-258.05 của anh Hồ Văn D) và hành vi phạm tội chưa đạt đối với bị cáo K, L và H (chưa lấy được 01 con trâu của anh Võ Tuấn A). Vì vậy, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8] Quá trình điều tra xác định: Anh Nguyễn Anh T không biết trâu do các bị cáo trộm được nên đã mua, khi nghi ngờ đã gọi điện báo cho Cơ quan Công an; ông Phạm Văn U khi được thuê chở bò đi bán không biết bò do các bị cáo trộm được mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Nguyễn Anh T và ông Phạm Văn U là đúng; đối với ông Nguyễn Như H, khi ký

hợp đồng cho K thuê xe ô tô Mazda màu trắng, biển số 51F-503.61 không biết K sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Về các đối tượng tên Đ, H và T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đang tiếp tục điều tra, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản của anh Võ Tuấn A, anh Trần Văn M, anh Dương Trung N và anh Hồ Văn D đã được thu hồi giao trả đủ, tài sản của anh Phạm Văn T đã được bồi thường xong và không có yêu cầu nào khác, nên không đặt ra xem xét. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu bị cáo K và L bồi thường 03 con trâu tổng cộng 94.500.000 đồng, anh T yêu cầu bị cáo K và L phải bồi thường 03 con bò tổng cộng 80.000.000 đồng; quá trình điều tra, anh Ngô Hiệp H yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, anh Nguyễn Anh T yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 25.500.000 đồng; các bị cáo đã đồng ý toàn bộ yêu cầu của anh T, anh T, anh H và anh Nguyễn Anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận; cần buộc các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt và trả lại tiền theo yêu cầu của anh T, anh T, anh H và anh Nguyễn Anh T.

[11] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng; các bị cáo K và L đã sử dụng điện thoại di động làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; thẻ ATM, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exceiter, màu đỏ đen, biển số 37D1-796.79 là tài sản hợp pháp của chị Hoàng Thị N nên cần trả lại cho chị N; đối với điện thoại, thẻ ATM và giấy chứng minh nhân dân của bị cáo K không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo K; cần quản thủ số tiền 10.000.000 đồng mà chị Nguyễn Thị N đã nộp để bảo đảm cho việc thi hành án của bị cáo H. Đối với xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 51C-109.34, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Hoàng Thị H, Cơ quan điều tra đã giao trả cho chị H nên không đề cập xử lý.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Quang H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 17, Điều 38, Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/7/2020.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 17, Điều 38, Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/7/2020.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 17, Điều 38, Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/01/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 288, Điều 584, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc các bị cáo Hoàng Văn K và Nguyễn Văn L liên đới phải bồi thường cho anh Nguyễn Tấn T số tiền 94.500.000 đồng (chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Hoàng Văn K và Nguyễn Văn L liên đới phải bồi thường cho anh Bùi Quang T số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Hoàng Văn K bồi thường cho anh Ngô Hiệp H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Buộc các bị cáo Hoàng Văn K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Quang H liên đới trả lại cho anh Nguyễn Anh T số tiền 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 dao tự chế bằng kim loại; 01 cây kìm có tay bọc nhựa màu cam xám; 01 bình xịt hơi cay màu xanh, thể tích 110ml; 01 cây tuốc nơ vít có tay cầm màu xanh; 01 mũ kết bằng vải màu đen có ghi số 96; 01 áo thun màu đen tay ngắn có in chữ Puma; 01 quần Jean dài màu xanh có in chữ “Lee 101t For the highest quality”; 03 tấm palet bằng gỗ; 01 ổ khóa cổng bằng kim loại, dài 41 cm, có vỏ bọc bằng cao su màu trắng; 02 ổ khóa bằng kim loại màu xám, bọc cao su màu đen, dài 11,5 cm.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động đã qua sử

dụng hiệu Oppo Reno 2F, màu xanh, kiểu máy CPH1989, không kiểm tra được số Imei, có sim số 0982.816.337; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia màu đen model 105, code 059R4D1, có sim số 0977.608.415.

Tuyên trả lại cho chị Hoàng Thị N: 01 xe mô tô hai bánh đã qua sử dụng hiệu Yamaha Exceiter, màu đỏ đen, biển số 37D1-796.79, số khung RLCUG0610HY439168, số máy G3D4E459678 (do chị Nguyễn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô); 01 thẻ ngân hàng MB mang tên Hoàng Thị N.

Tuyên trả lại cho bị cáo Hoàng Văn K: 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Hoàng Văn K; 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn K; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia màu trắng, đen model TP 1030, code 059X922 không có sim.

(Theo các biên bản giao nhận vật chứng số 022.21 ngày 03/11/2020 và số 101.21 ngày 28/4/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một).

Tuyên quản thủ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của chị Nguyễn Thị N đã nộp để bảo đảm cho việc thi hành án của bị cáo Nguyễn Quang H.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.9075751.00000 ngày 11/3/2021 của Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hoàng Văn K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Quang H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Hoàng Văn K phải nộp 6.287.500 đồng (sáu triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 4.362.500 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Quang H phải nộp 425.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường